

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2384/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-12-2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hưng
2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 665/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 546/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1995;
Địa chỉ: Tổ 3, thôn 7, xã X, huyện Y, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hữu P, sinh năm: 1994;
Địa chỉ: 59/12 Hoàng Hoa Thám, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà và ông Lê Hữu P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc thời gian đầu. Từ năm 2020 đôi bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã về tài chính, ông P không phụ giúp bà nuôi con, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên vắng nhà vì việc riêng. Từ 2020 ông bà sống ly thân cho đến nay, trong khoản thời gian này, ông P cũng không có hành động gì thể hiện hàn gắn, thay đổi, thậm chí không liên lạc được. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày: 19/5/2019 và không yêu cầu cấp dưỡng do có đủ điều kiện nuôi con. Công việc hiện nay của bà là kinh doanh tự do, tuy nhiên vẫn đảm bảo thu nhập mỗi tháng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Tài sản chung và nợ chung: Bà trình bày không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn là ông Lê Hữu P, sau khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân quận Y đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để lấy lời khai giải quyết vụ án ly hôn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là ông Lê Hữu P tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông P không có ý kiến phản hồi, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15 tháng 11 năm 2023, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên;

Bị đơn ông Lê Hữu P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán: Đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng; Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy quá trình chung sống ông bà hạnh phúc thời gian đầu; Sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã về tài chính, ông P không phụ giúp vợ chăm con, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên vắng nhà vì việc riêng. Từ năm 2020 ông bà sống ly thân cho đến nay, trong khoảng thời gian này ông P không có hành động gì thể hiện sự hàn gắn, thay đổi, thậm chí không liên lạc được. Ông P dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không lên tòa để hòa giải cũng không có phản hồi gì về yêu cầu ly hôn của bà H cho thấy ông không quan tâm, không có ý muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân của bà H và ông P không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở. Về con chung: Xét thấy bà H là trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, bà xác nhận đủ điều kiện nuôi con, để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà H là có căn cứ. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải đóng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về: “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Hữu P có nơi cư trú tại quận Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 15 tháng 11 năm 2023 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Hữu P đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt; Tòa án căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về yêu cầu của đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 18 ngày 30/3/2019 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Hữu P và bà Nguyễn Thị H, đồng thời căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị H tại Tòa án thì quan hệ hôn nhân giữa bà ông bà là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và lời trình bày của bà H trong quá trình giải quyết vụ án, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Tòa án đã mời ông, bà đến để tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng ông P nhiều lần không có mặt để tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án; Điều này cho thấy ông P không có thiện chí xây dựng lại cuộc sống gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: Ly hôn theo yêu cầu của một bên như sau:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”

Xét thấy, cuộc sống chung giữa bà H và ông P không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng khi đôi bên không có sự chia sẻ, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau; Mặt khác ông P không có mặt tại Tòa án theo các văn bản triệu tập. Điều đó chứng tỏ rằng đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân xây dựng một gia đình hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của bà H là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà H thì ông P và bà H có 01 con chung tên: Lê Nguyễn Gia B, sinh ngày: 19/5/2019. Hội đồng xét xử xét thấy bà H là người trực tiếp chăm sóc con chung từ khi trẻ sinh ra cho đến nay và có đủ điều kiện nuôi con nên để đảm bảo lợi ích toàn diện cho trẻ thì việc giao con cho bà trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên chấp nhận; Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà H không có tài sản chung và nợ chung với ông P.

Ông P không có ý kiến phản hồi về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của bà H; Ông P đã từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

[4]. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Do đó, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 273, 278, và Điều 280 của Bộ luật Tố Tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Hữu P.
- Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên Lê Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày: 19/5/2019 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H tự nguyện không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Lê Hữu P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của của con, khi có căn cứ bà H và ông P có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị H không có tài sản chung, nợ chung với ông Lê Hữu P.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0019391 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Y;
- Chi cục THADS Q. Y;
- UBND phường X, Q. Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc An